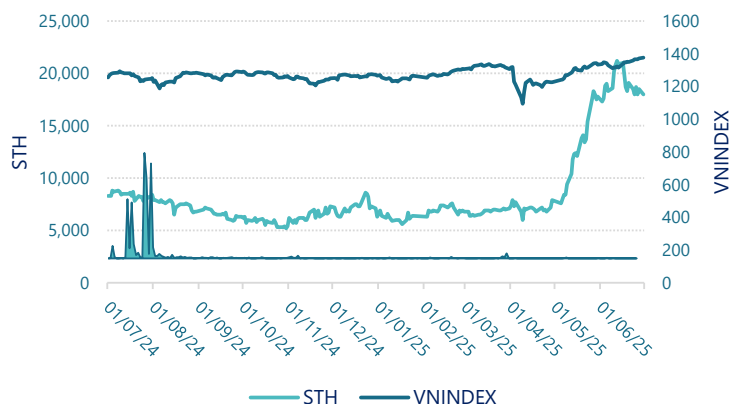


CTCP Phát hành sách Thái Nguyên (UPCOM: STH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	19,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	744,805
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	351
P/E	230.5
EPS	78

DT thuần

Q2/25

14.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.47 | 86.2%

YoY: ▲ 9.06 | 184%

LN sau thuế

Q2/25

1.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40 | 3492%

YoY: ▲ 0.78 | 118%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

14.3%

+/- YoY: ▼ 6.3%

DT thuần

6T 2025

21.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.6 | 117%

LN sau thuế

6T 2025

1.47

tỷ VNĐ

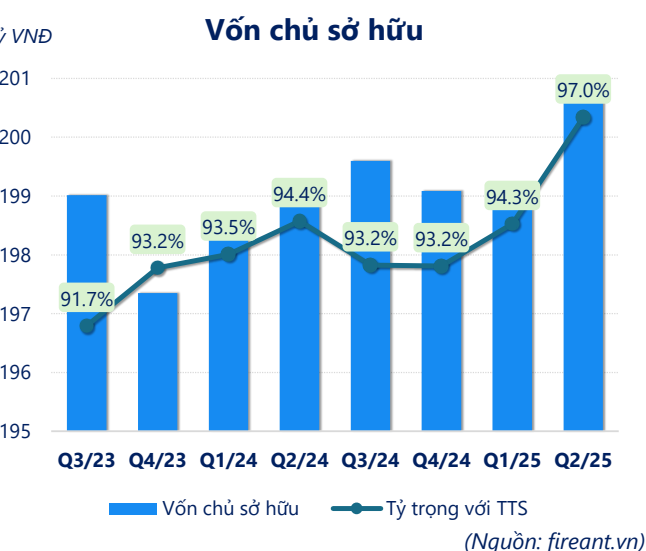
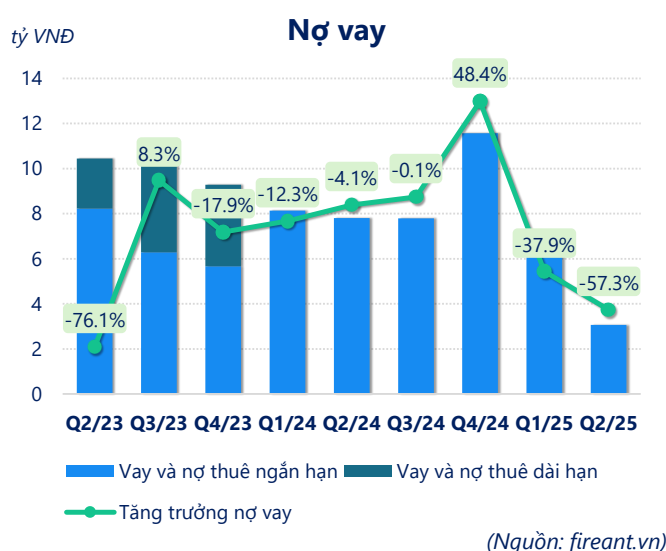
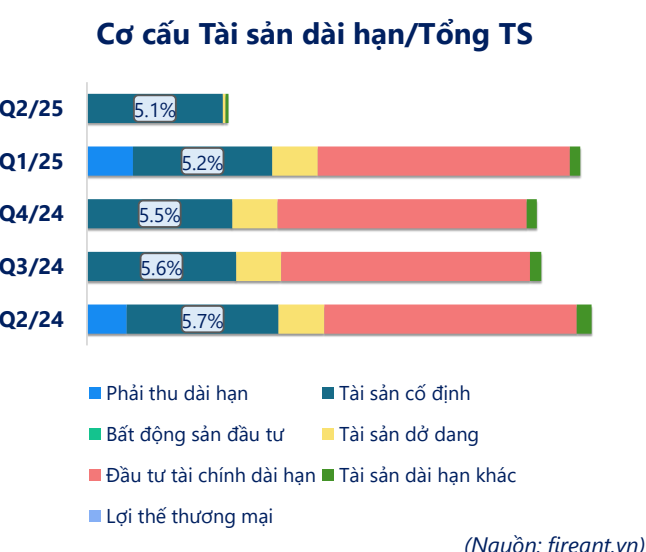
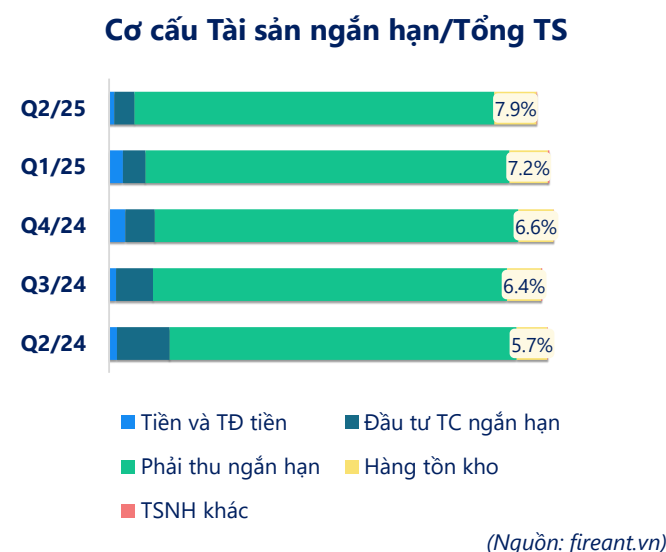
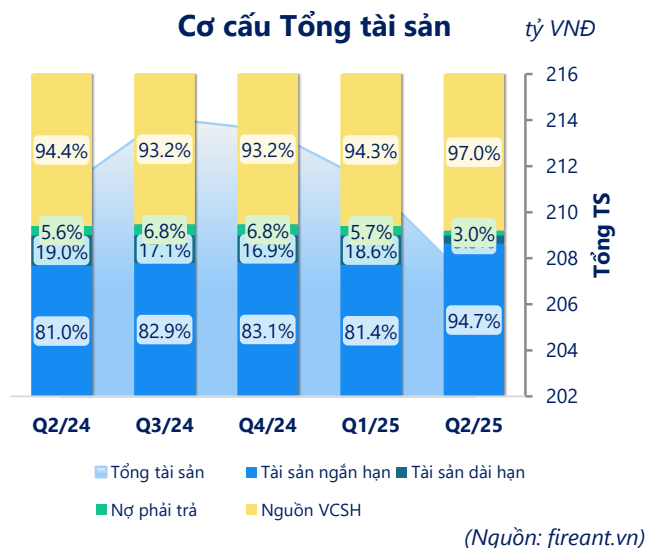
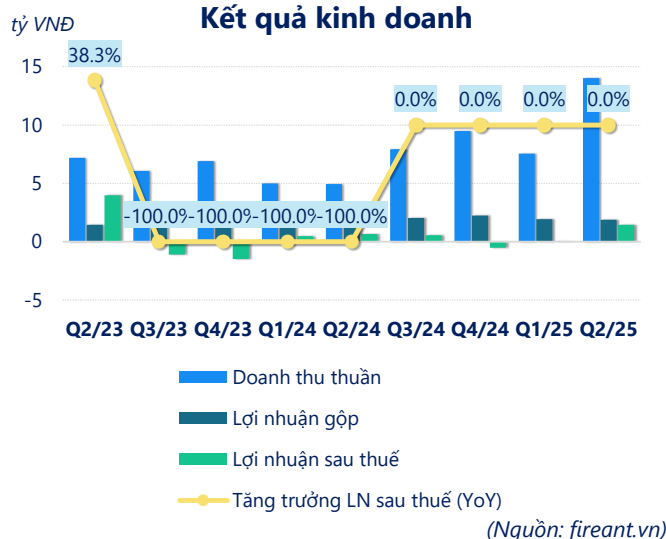
YoY: ▲ 0.33 | 29.6%

ROE

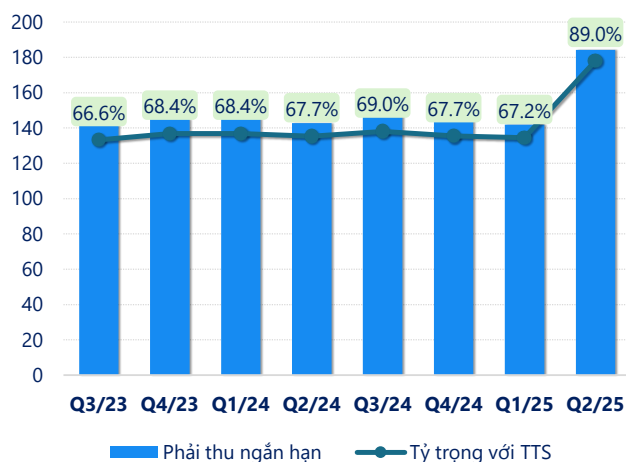
Q2/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 1.5%

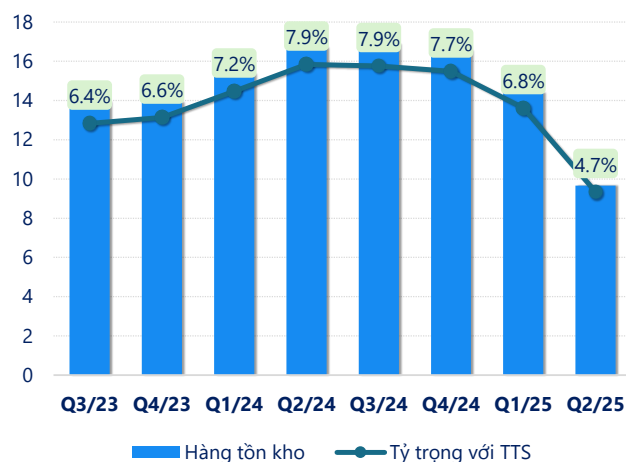


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


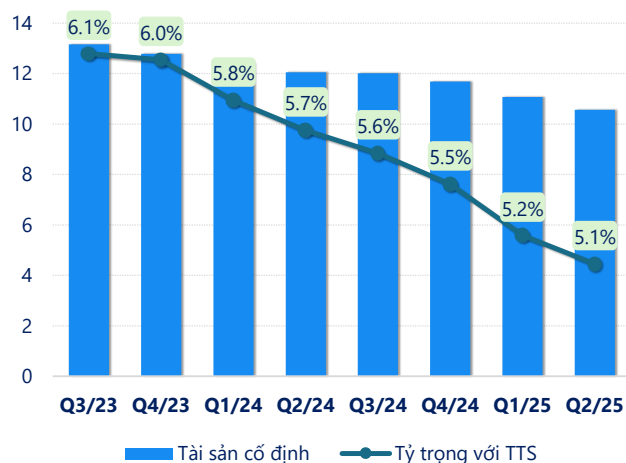
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


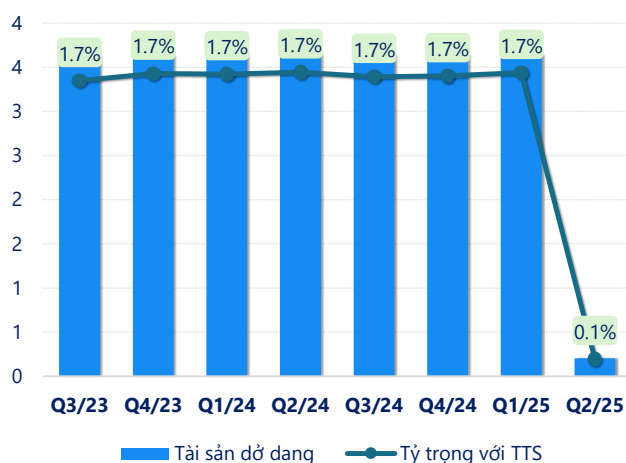
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

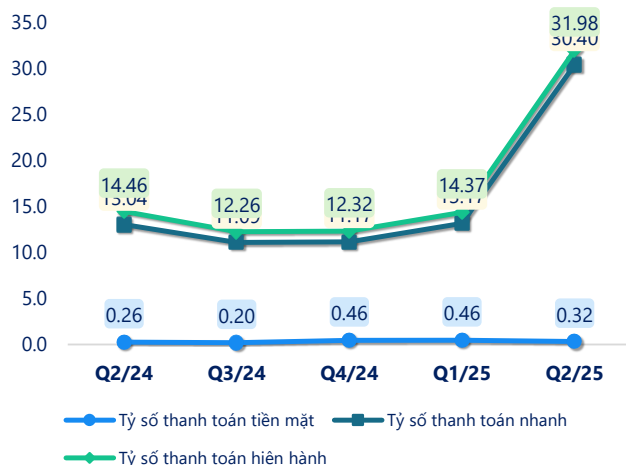
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

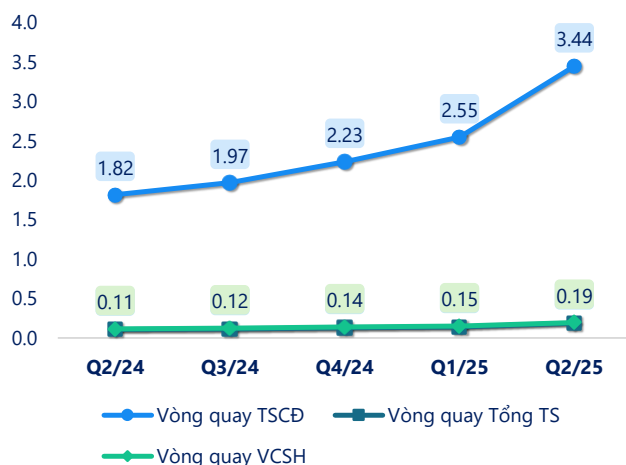
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	211	214	214	211	207
Tài sản ngắn hạn	171	177	177	172	196
Tiền và tương đương tiền	3.08	2.83	6.56	5.53	1.96
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.06	9.74	9.39	9.66	0
Phải thu ngắn hạn	143	148	145	142	184
Hàng tồn kho	16.7	16.9	16.5	14.4	9.66
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0.28	0.32	0.50	0.05
Tài sản dài hạn	40.0	36.6	36.1	39.2	11.0
Phải thu dài hạn	3.15	0	0	3.65	0
Tài sản cố định	12.1	12.0	11.7	11.1	10.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.63	3.63	3.63	3.63	0.20
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	0
Tài sản dài hạn khác	1.17	0.92	0.80	0.84	0.23
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	11.9	14.5	14.5	12.1	6.19
Nợ ngắn hạn	11.8	14.5	14.4	12.0	6.12
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.80	7.79	11.6	7.18	3.07
Phải trả người bán ngắn hạn	2.06	4.93	1.44	2.10	0.35
Nợ dài hạn	0.07	0	0.09	0.09	0.07
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	199	200	199	199	201
Vốn chủ sở hữu	199	200	199	199	201
Vốn điều lệ	195	195	195	195	195
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)